TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 132/2024/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Cửu, ngày 09 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 424/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1982;

Nơi thường trú: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Tổ H, ấp A, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Tạ Thanh V, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Bon P, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Tạ Thanh V cùng làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con.

Ngày 30/8/2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà T và ông Vũ đoàn t; giải thích quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con, về trách nhiệm cấp dưỡng, các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, bà T và ông V đều cho rằng cuộc sống chung không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên không đồng ý đoàn tụ và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung tên Tạ Thành L, sinh ngày 27/01/2004 và Tạ Thiên K, sinh ngày 13/4/2014. Ly hôn, đối với con chung Tạ Thành L đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con chung Tạ Thiên K hai bên thỏa thuận giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Bà T và ông V thỏa thuận ông V cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Sau ly hôn, ông V được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà T và ông V phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Tạ Thanh V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Tạ Thiên K, sinh ngày 13/4/2014 cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Hai bên thỏa thuận ông V cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau ly hôn, ông V được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông V không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà Trần Thị Kim T chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí, được trừ vào 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009882 ngày 26/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, bà T đã nộp đủ lệ phí.

Ông Tạ Thanh V chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí, được trừ vào 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009883 ngày 26/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, ông V đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Phú Riềng, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước; (GCNKH số 24, ngày 20/3/2003);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Đại